

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHÁNH VINH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HSST
Ngày 12 tháng 3 năm 2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHÁNH VINH – TỈNH KHÁNH HÒA**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Thúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Đức Mạo

2/ Ông Đỗ Hữu Minh Nghĩa

-Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Hay – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khánh Vinh, tỉnh Khánh Hòa.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khánh Vinh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khánh Vinh, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2019/TLST – HS ngày 20 tháng 12 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2020; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 02/2020/TB - TA ngày 15 tháng 01 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/HSST – QĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Phạm Thị H; sinh ngày 21/01/1981 tại Khánh Hòa; Nơi ĐKNKTT: Thôn D, xã Sơn I, huyện Khánh S, tỉnh Khánh Hòa; Chỗ ở hiện nay: Số 30, Bùi Thị Xuân, phường Ba N, thành phố Cam R, tỉnh Khánh Hòa; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch Việt Nam; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Phạm Khắc Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim C, có chồng và 04 con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 23/11/2017 đến ngày 20/02/2018.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2/ Nguyễn Cửu Thanh T; sinh ngày 10/6/1981 tại Khánh Hòa; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: 10 Nguyễn Du, phường Xương H, thành phố Nha T, tỉnh Khánh Hòa; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch Việt Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc công ty; Con ông Nguyễn Cửu Duy T1 và bà Trần Thị L, có chồng (đã ly hôn) và 02 con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 19/12/2017 đến ngày 18/3/2018.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị H:**

Ông Lê Văn T2 – Luật sư thuộc văn phòng Luật sư Lê Văn T và cộng sự, Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ: 102 Nguyễn Trãi, phường Phước T, thành phố Nha T, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Cửu Thanh T**

1/ Ông Hoàng Bá M - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Kim N, Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa;

Địa chỉ: Số 50 B1 Đồng Nai, phường Phước H, thành phố Nha T, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2/ Ông Lê Văn Tr – Luật sư thuộc văn phòng Luật sư Văn Tr, Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa

Địa chỉ: 67 đường 16/7, phường Ninh H, thị xã Ninh H, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Võ Ngọc M1 Sinh năm: 1966

Địa chỉ: TDP Phú Bình, phường Cam P, thành phố Cam R, Khánh Hòa. Có mặt.

2/ Bà Phạm Thị Thu Gi Sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn Du O, xã Sơn L, huyện Khánh S, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

3/ Bà Lê Thị Thu T3 Sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn Cam Kh, xã Sơn L, huyện Khánh S, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

4/ Ông Dương Quang Ph Sinh năm: 1981

Địa chỉ: TDP 11, thị trấn Diên K, huyện Diên K, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

5/ Chi Cục thuế khu vực phía Tây Khánh Hòa.

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đức T

Địa chỉ: Thị trấn Diên K, huyện Diên K, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

7/ Chi Cục thuế khu vực phía Nam Khánh Hòa

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đức N

Địa chỉ: Phường Cam P, thành phố Cam R, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt.

*** Người làm chứng:**

- 1/ Bà Trần Lê Kim H1. Vắng mặt.
- 2/ Ông Huỳnh L. Vắng mặt.
- 3/ Nguyễn Tiến Đ. Vắng mặt.
- 4/ Ông Đoàn Việt H2. Vắng mặt.
- 5/ Ông Nguyễn Quốc Tr1. Vắng mặt.
- 6/ Ông Nguyễn Văn Kh. Vắng mặt.
- 7/ Ông Nguyễn Thành N. Vắng mặt.
- 8/ Ông Hồ Thành D. Vắng mặt.
- 9/ Ông Hồ Thành Do. Vắng mặt.
- 10/ Ông Nguyễn Trí D1. Vắng mặt.
- 11/ Ông Nguyễn Thanh T4. Vắng mặt.
- 12/ Ông Nguyễn Ngọc T5. Vắng mặt.
- 13/ Ông Quảng Minh Đ1. Vắng mặt.
- 14/ Ông Nguyễn Quốc D1. Vắng mặt.
- 15/ Ông Nguyễn Ngọc Anh T6. Vắng mặt.
- 16/ Ông Hàng Bảo Th. Vắng mặt.
- 17/ Ông Nguyễn Quang H3. Vắng mặt.
- 18/ Ông Nguyễn Quốc Th2. Vắng mặt.
- 19/ Ông Hoàng Mạnh Đ2. Vắng mặt.

*** Người giám định:** Ông Nguyễn Văn Tr2

Giám định viên thuộc Cục thuế tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị H đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại – dịch vụ xây dựng Giang V (Sau đây gọi là công ty Giang V), trụ sở thôn Bến L, xã Khánh B, huyện Khánh V, tỉnh Khánh Hòa và công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại – dịch vụ Ngọc M (Sau đây gọi là công ty Ngọc M), trụ sở 27 Kim Đồng, TDP Hạp C, thị trấn Tô H, huyện Khánh S, tỉnh Khánh Hòa với mục đích mua bán hóa đơn mà không có hàng hóa (cát, đá, đất..) kèm theo cho các công ty xây dựng có nhu cầu hợp thức hóa đơn hàng hóa đầu vào.

Phạm Thị H đã thuê Võ Ngọc M, sinh năm 1966, trú tại Phú Bình, Cam P, Cam R, Khánh Hòa đứng tên Giám đốc công ty Ngọc M và nhờ em ruột là Phạm Thị Thu Gi, sinh năm 1987, trú tại Du O, Sơn L, Khánh S đứng tên Giám đốc công ty Giang V. H là người trực tiếp điều hành các hoạt động của 02 công ty, tất cả các tài liệu, hóa đơn, chứng từ, con dấu của 02 công ty này do H trực tiếp quản lý, sử dụng.

Năm 2015, Nguyễn Cửu Thanh T là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và khai thác Thịnh P (Sau đây gọi là công ty Thịnh P) có trụ sở tại Tổ dân phố 4, thị trấn Diên K, huyện Diên K, tỉnh Khánh Hòa, có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và mã số thuế 4201329930 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 26/8/2011, hoạt động kinh doanh trên 21 lĩnh vực, trong đó có khai thác khoáng sản (cát...) để bán cho các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Công ty Thịnh P có bãi khai thác khu vực ven Sông Cái thuộc thôn Lễ T, xã Diên Th, huyện Diên K, tỉnh Khánh Hòa là bãi khai thác không có giấy phép của cơ quan chức năng có thẩm quyền. Để hợp thức hóa đơn đầu vào cho việc khai thác cát trái phép và nguồn cát tận thu trái phép, Nguyễn Cửu Thanh T đã thỏa thuận với Phạm Thị H mua các hóa đơn giá trị gia tăng của công ty Giang V và công ty Ngọc M.

Sau khi mua hóa đơn của công ty Giang V và công ty Ngọc M, Nguyễn Cửu Thanh T sử dụng hóa đơn này để hợp thức đầu vào số lượng hàng hóa (cát...) của công ty Thịnh P và bán cát cho công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng Ánh D, công ty trách nhiệm hữu hạn bê tông Mường T, ... và kê khai thuế với cơ quan thuế huyện Diên Khánh để được khấu trừ thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian từ tháng 8/2015 đến năm 2017, Phạm Thị H đã thông qua 02 công ty Giang V và công ty Ngọc M bán cho Nguyễn Cửu Thanh T 48 số hóa đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 15.904.543.500 đồng mà không có hàng hóa kèm theo.

Để có hóa đơn xuất cho Nguyễn Cửu Thanh T, Phạm Thị H đã hợp thức hóa đơn đầu vào bằng việc mua hóa đơn giá trị gia tăng (hàng hóa vật liệu xây dựng: cát, tôn, xà gồ...) của công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Thái Phẩm (sau đây gọi là công ty Thái Phẩm), trụ sở 108/13 Phạm Văn Đồng, khu phố 3, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Tấn Quang (sau đây gọi là công ty Tấn Quang), trụ sở 43/1 đường số 42, khu phố 3, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, khi kiểm tra các chứng từ liên quan đến việc mua vào, bán ra của lượng hàng hóa giữa Phạm Thị H và 2 công ty trên theo quy định thì H và kế toán không đưa ra được các chứng từ liên quan đến hàng hóa.

Đồng thời xác minh tại trụ sở của 2 công ty Thái Phẩm, công ty Tấn Quang đều là nhà ở của hộ gia đình, không có hoạt động kinh doanh. Các hộ gia

định nói trên xác nhận có người lạ đến đề nghị treo biển tên công ty và trả số tiền 500.000 đồng và 2.000.000 đồng/ tháng từ năm 2015 - 2016.

Điều tra xác định: Giám đốc công ty Tấn Quang là Nguyễn Đức B, sinh năm 1984, trú tại Pa Ri, M'Đ, Đăk Lăk là thợ sửa xe gắn máy, B không thành lập công ty Tấn Quang nêu trên, vào năm 2010 B bị mất giấy Chứng minh nhân dân tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Giám đốc công ty Thái Phẩm là Đỗ Phan Nhân, sinh năm 1985, trú tại A 48/3, khu phố 5, phường An Khánh, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Nhân không có mặt tại địa chỉ trên, hồ sơ nghiệp vụ lưu: Ngày 02/8/2001 Nhân bị công an Quận 9 bắt về hành vi Cướp giật tài sản; Ngày 14/8/2003, bị Công an Quận 2 bắt vì tội Cố ý gây thương tích; ngày 17/3/2004 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 9 tháng tù giam (Bản án số 70/HSST); Ngày 24/7/2015 bị Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản (Bản án số 261/ HSST).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị H khai nhận:

Từ năm 2015, Phạm Thị H thuê Võ Ngọc M đăng ký đứng tên thành lập và làm Giám đốc công ty Ngọc M. Đến năm 2016, H tiếp tục nhờ em ruột là Phạm Thị Thu V đăng ký đứng tên thành lập và làm Giám đốc công ty Giang V. Cả 02 công ty Ngọc M và Giang V đều do H trực tiếp điều hành, quản lý mọi hoạt động. H thành lập 02 công ty trên với mục đích bán hóa đơn giá trị gia tăng mà không có hàng hóa cho các công ty khác có nhu cầu mua hóa đơn để hợp thức hóa đầu vào. Từ năm 2015 đến năm 2017, H có bán hóa đơn cát mà không có hàng hóa theo yêu cầu của Nguyễn Cửu Thanh T, là giám đốc công ty Thịnh P. Cụ thể, từ năm 2015 đến năm 2016, H bán trái phép hóa đơn cho công ty Thịnh P thông qua công ty Ngọc M, H là người giả chữ ký của Võ Ngọc M để ký vào hóa đơn bán hàng. Cuối năm 2016, công ty Ngọc M giải thể thì H yêu cầu Phạm Thị Thu V ký tên vào hóa đơn bán hàng để H bán hóa đơn cho công ty Thịnh P thông qua công ty Giang V.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Cửu Thanh T khai nhận:

Tháng 8/2011, Nguyễn Cửu Thanh T thành lập công ty Thịnh P, T làm Giám đốc công ty. Ngành nghề kinh doanh của công ty Thịnh P là mua bán cát, đá, sỏi..., vật liệu xây dựng. Năm 2015, công ty Thịnh P khai thác cát (không có giấy phép theo quy định) tại bãi cát thuộc thôn Lễ Thạnh, xã Diên Thọ, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Để hợp thức hóa đầu vào cho hoạt động khai thác cát không có giấy phép và nguồn cát tận thu trái phép, T đã mua hóa đơn của công ty Ngọc M và công ty Giang V, Phạm Thị H là người trực tiếp bán hóa đơn cho Nguyễn Cửu Thanh T. Tổng cộng Nguyễn Cửu Thanh T đã mua của Phạm Thị H 48 tờ hóa đơn giá trị gia tăng, cụ thể:

- Từ ngày 28/8/2015 đến ngày 25/4/2016, T đã mua của H 19 tờ hóa đơn giá trị gia tăng thông qua công ty Ngọc M;

- Từ năm 2016 đến tháng 7/2017, T đã mua của H 29 tờ hóa đơn giá trị gia tăng thông qua công ty Giang V.

Ngày 15/12/2017, Cơ quan CSĐT công an tỉnh Khánh Hòa ra Quyết định trưng cầu giám định gửi Cục thuế tỉnh Khánh Hòa yêu cầu giám định xác định thiệt hại cho Nhà nước do hành vi mua, bán trái phép hóa đơn gây ra.

Tại bản kết luận giám định ngày 09 tháng 4 năm 2018 xác định:

“Công ty TNHH thương mại và khai thác Thịnh Ph sử dụng bất hợp pháp 48 số hóa đơn của Công ty TNHH TM-DV xây dựng Giang V và Công ty TNHH TM-DV Ngọc M để kê khai khấu trừ thuế GTGT dẫn đến gây thiệt hại về thuế GTGT với số tiền 1.445.861.865 đồng”.

Tuy nhiên, tại kết luận điều tra bổ sung số 69 ngày 28/6/2019 Cơ quan CSĐT công an huyện Khánh Vĩnh; Bản kết luận giám định lại ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Giám định viên Cục thuế tỉnh Khánh Hòa và tại phiên tòa Giám định viên Nguyễn Văn Trang đã xác định nhà nước không thiệt hại về thuế GTGT. Theo quy định tại khoản 15 Điều 14 thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ tài chính, số tiền thuế giá trị gia tăng 1.445.861.865 đồng trên 48 tờ hóa đơn giá trị gia tăng nêu trên (hóa đơn lập nhưng nội dung được ghi là không có thực) Công ty Thịnh P không được kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Việc Công ty Thịnh P đã kê khai khấu trừ toàn bộ số thuế GTGT là 1.445.861.865 đồng trên 48 tờ hóa đơn đã làm giảm số tiền thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương thức khấu trừ thuế (là phương pháp tính thuế giá trị gia tăng đang áp dụng với Công ty Thịnh P theo quy định tại khoản 5, Điều 12 thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành luật thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2012 của Chính phủ).

Vì vậy, công ty Thịnh P có trách nhiệm phải kê khai nộp lại toàn bộ số tiền 1.445.861.865 đồng đã được kê khai khấu trừ.

Tại công văn số: 1379/CV- CCT ngày 01/4/2019 của Chi cục thuế huyện Diên Khánh (nay là Chi cục Thuế khu vực Tây Khánh Hòa) và tại phiên tòa, ông Nguyễn Đức T là đại diện hợp pháp của Chi cục Thuế khu vực Tây Khánh Hòa xác định Công ty TNHH thương mại và khai thác Thịnh P đã kê khai nộp bổ sung thuế giá trị gia tăng đối với việc sử dụng bất hợp pháp 48 số hóa đơn là 672.600.000 đồng; số tiền còn phải nộp là 733.321.298 đồng và số tiền chậm nộp do điều chỉnh hồ sơ kê khai thuế của việc sử dụng 48 hóa đơn bất hợp pháp tính đến thời điểm Công ty Thịnh P nộp đủ số tiền còn lại.

Tại Cáo trạng số: 06/CT-VKS ngày 16 tháng 11 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khánh Vĩnh đã truy tố bị cáo Phạm Thị H về tội “*Bán trái phép hóa đơn*”, Nguyễn Cửu Thanh T về tội “*Mua trái phép hóa đơn*” theo điểm d, đ, khoản 2, Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại công văn số 568/VKS ngày 27/9/2019 trả lời yêu cầu điều tra bổ sung của Tòa án, Viện kiểm sát rút một phần cáo trạng (không truy tố các bị can Phạm Thị H, Nguyễn Cửu Thanh T theo tình tiết định khung thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên) quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017; Tại công văn số 674/VKS ngày 18/12/2019 trả lời yêu cầu điều tra bổ sung của Tòa án, Viện kiểm sát xác định số tiền 1.445.861.865

đồng là số tiền mà công ty Thịnh P kê khai nộp thuế giá trị gia tăng trên 48 hóa đơn, trong vụ án Nguyễn Cửu Thanh T không thu lợi bất chính, Phạm Thị H thu lợi bất chính 0,5 %. Cụ thể: H mua vào 6% và bán ra 6,5%/48 hóa đơn tương ứng với số tiền 79.522.402 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Phạm Thị H và Nguyễn Cửu Thanh T. Riêng bị cáo H đang mang thai nên được áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị H từ 200.000.000đ đến 220.000.000đ về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Cửu Thanh T từ 220.000.000đ đến 250.000.000đ về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*”. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng và án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị H, Nguyễn Cửu Thanh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; lời nói sau cùng, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, người bào chữa của bị cáo Nguyễn Cửu Thanh T là Luật sư Hoàng Bá Mỹ trình bày: Đối với bị cáo T đang có hoàn cảnh khó khăn đã ly hôn chồng, một mình nuôi 02 con nhỏ và cha mẹ già yếu, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị hội đồng xem xét các tình tiết giảm nhẹ để xét xử bị cáo theo đề nghị của Viện kiểm sát xử phạt tiền đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, người bào chữa của bị cáo Nguyễn Cửu Thanh T là Luật sư Lê Văn Trường có đơn xin vắng mặt nhưng có lời trình bày: Bị cáo Nguyễn Cửu Thanh T phạm tội “*mua bán trái phép hóa đơn*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự, không có yêu cầu tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị H là Luật sư Lê Văn Tuấn vắng mặt. Tuy nhiên bị cáo Phạm thị H vẫn đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử không yêu cầu sự có mặt của người bào chữa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Ngọc M và ông Dương Quang Phát có mặt trình bày: Việc Phạm Thị H bán trái phép hóa đơn và Nguyễn Cửu Thanh T mua trái phép hóa đơn họ đều không biết. Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, đã có lời khai tại hồ sơ vụ án họ đều không biết việc mua bán trái phép hóa đơn của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định truy tố của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Xác định tội danh:

Lời khai nhận của bị cáo Phạm Thị H và bị cáo Nguyễn Cửu Thanh T tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ tháng 8/2015 đến năm 2017, Phạm Thị H đã mua hóa đơn của Công ty Thái Phẩm và Công ty Tấn Quang với giá là 6% trên tổng số tiền mỗi hóa đơn. Sau đó H thông qua công ty Giang V và công ty Ngọc M bán cho Nguyễn Cửu Thanh T – Giám đốc công ty Thịnh P 6,5% trên tổng số tiền 48 số hóa đơn mà không có hàng hóa kèm theo để hưởng chênh lệch 0,5% với số tiền là 79.522.402 đồng/48 hóa đơn, đây là số tiền thu lợi bất chính. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ nộp ngân sách nhà nước*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 164a Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Nguyễn Cửu Thanh T – Giám đốc công ty Thịnh P đã có hành vi mua 48 hóa đơn giá trị gia tăng của Giang V và Công ty Ngọc M do Phạm Thị H thành lập, quản lý mà không có hàng hóa kèm theo để hợp thức đầu vào nguồn phát khai thác và tận dụng trái phép và kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng tương ứng với số tiền 1.445.861.865 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ nộp ngân sách nhà nước*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 164a Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

So sánh khoản 2 Điều 164a Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, nhận thấy tại khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định thêm hình phạt chính là phạt tiền, có lợi hơn cho người phạm tội. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử lý hình sự đối với các bị cáo Phạm Thị H và Nguyễn Cửu Thanh T. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khánh Vĩnh truy

tổ đối với các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ, hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý bình thường của nhà nước, xâm phạm đến các quan hệ xã hội để đảm bảo sự ổn định và phát triển của nền kinh tế.

- Đối với bị cáo Phạm Thị H: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của mình gây ra, nhưng bị cáo xem thường kỷ cương pháp luật nhà nước, cố ý vi phạm các quy định của nhà nước về quản lý kinh tế với mục đích vụ lợi nên đã bán hóa đơn cho Nguyễn Cửu Thanh T mà không có hàng hóa kèm theo để thu lợi bất chính. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo. Tuy nhiên, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đang mang thai, bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 23/11/2017 đến ngày 20/02/2018. Bên cạnh đó, bị cáo có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu, không có tình tiết tăng nặng, nên được áp dụng điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với hình phạt bổ sung: Bị cáo đang nuôi con nhỏ, hiện tại đang mang thai, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 203 Bộ luật hình sự.

- Đối với bị cáo Nguyễn Cửu Thanh T: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của mình gây ra, mặc dù biết việc bán hóa đơn của Phạm Thị H là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích hợp thức hóa đầu vào đối với khối lượng cát khai thác trái phép nên đã cố tình thỏa thuận để mua hóa đơn của Phạm Thị H mà không có hàng hóa kèm theo để kê khai. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện nộp bổ sung tại Chi cục Thuế huyện Diên Khánh (nay là Chi cục Thuế khu vực Tây Khánh Hòa) là 672.600.000 đồng số tiền khấu trừ thuế giá trị gia tăng, bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 19/12/2017 đến ngày 18/3/2018. Bên cạnh đó bị cáo có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu, không có tình tiết tăng nặng và hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo đã ly hôn chồng, một mình phải nuôi 02 con nhỏ và cha mẹ già yếu nên được áp dụng điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Đối với hình phạt bổ sung: Xét bị cáo đang nuôi con nhỏ, cha mẹ già yếu nên không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 203 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Cửu Thanh T.

Căn cứ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự quy định phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu, đang có việc làm, có khả năng thi hành hình phạt chính là hình phạt tiền. Vì vậy,

cần áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo mà không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội cũng đủ tính răn đe và phòng ngừa tội phạm. Căn cứ vai trò, tính chất mức độ, hành vi của bị cáo Phạm Thị H và Nguyễn Cửu Thanh T thì cần xử phạt bị cáo T với mức phạt tiền cao hơn bị cáo H.

[4] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền Phạm Thị H có được nhờ việc mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng, cụ thể H khai đã mua của hóa đơn giá trị gia tăng của công ty Tấn Quang và công ty Thái Phẩm với giá tiền 6% số tiền ghi trên hóa đơn và bán lại cho Nguyễn Cửu Thanh T với giá 6,5% số tiền ghi trên hóa đơn. Bị cáo T cũng khai mua hóa đơn của bị cáo H với giá 6,5% số tiền ghi trên hóa đơn. Ngoài ra không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh. Do đó, bị cáo H phải nộp lại số tiền hưởng chênh lệch là 0.5% tương ứng với số tiền 79.522.402 đồng. Đây là số tiền thu lợi bất chính, do đó cần tịch thu, sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 1.445.861.865 đồng là số tiền mà công ty Thịnh P kê khai nộp thuế giá trị gia tăng trên 48 hóa đơn, sau khi Nguyễn Cửu Thanh T bị khởi tố, công ty Thịnh P đã kê khai nộp bổ sung tại Chi cục Thuế khu vực Tây Khánh Hòa số tiền 672.600.000 đồng; công ty Thịnh P còn phải nộp lại số tiền 733.321.298 đồng và số tiền chậm nộp do điều chỉnh hồ sơ kê khai thuế của việc sử dụng 48 hóa đơn bất hợp pháp tính đến thời điểm Công ty Thịnh P nộp đủ số tiền còn lại.

- Đối với Võ Ngọc M, Phạm Thị Thu V là người được Phạm Thị H thuê để làm giám đốc công ty Ngọc M và công ty Giang V, tuy nhiên M và V không biết việc bị cáo H lập 02 công ty trên để mua bán hóa đơn bất hợp pháp và Dương quang Phát, Lê Thị Thu Thủy không biết việc bị cáo T mua hóa đơn trái phép để hợp thức đầu vào của công ty do đó không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự đối với M, V và Phát và Thủy.

- Đối với việc mua bán hóa đơn giữa Phạm Thị H với công ty Thái Phẩm và công ty Tấn Quang không thuộc thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Khánh Vĩnh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 48 giấy tờ, hóa đơn GTGT, chứng từ có liên quan khác (có thống kê chi tiết trong bảng kê vật chứng) đều là dụng cụ các bị cáo sử dụng để phạm tội nhưng đã được đánh số bút lục kèm theo hồ sơ vụ án nên không xét.

[5] Về án phí: Vì Phạm Thị H và Nguyễn Cửu Thanh T bị kết án nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; điểm d khoản 2 Điều 203; điểm b

Điều 32; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Cửu Thanh T và Phạm Thị H. Riêng bị cáo Phạm Thị H được áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

1. Về hình phạt, xử phạt:

- Bị cáo Phạm Thị H 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước*”

- Bị cáo Nguyễn Cửu Thanh T 220.000.000 (Hai trăm hai mươi triệu) đồng về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước*”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Phạm Thị H và Nguyễn Cửu Thanh T.

2. Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo Phạm Thị H phải nộp 79.522.402 (Bảy mươi chín triệu năm trăm hai mươi hai ngàn bốn trăm linh hai) đồng, đây là tiền thu lợi bất chính của Phạm Thị H do bán hóa đơn trái phép mà có nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc công ty Thịnh P nộp bổ sung tại Chi cục Thuế khu vực Tây Khánh Hòa số tiền 733.321.298 (Bảy trăm ba mươi ba triệu ba trăm hai mươi một ngàn hai trăm chín mươi tám) đồng và số tiền chậm nộp do điều chỉnh hồ sơ kê khai thuế của việc sử dụng 48 hóa đơn bất hợp pháp tính đến thời điểm Công ty Thịnh P nộp đủ số tiền còn lại.

3. Về án phí:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự

- Bị cáo Phạm Thị H phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Cửu Thanh T phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Quy định:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Khánh Vĩnh;
- CQĐT, CQ THAHS CA huyện Khánh Vĩnh;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo, người có quyền, NVLQ;
- Lưu HSVA, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHÙNG VĂN THỨC